

Số: 01/2026/QĐST-VHNGĐ

Lâm Đồng, ngày 13 tháng 02 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH**  
**V/v yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - LÂM ĐỒNG**

*Thành phần giải quyết việc hôn nhân và gia đình gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:* Ông Nguyễn Đình Quy

*Thư ký phiên họp:* Bà Nguyễn Thị Lệ Nam - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện khu vực 7 - Lâm Đồng tham gia phiên họp:* Ông Lê Minh Giáp - Kiểm sát viên.

Ngày 13/02/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng, mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 09/2026/TL-VHNGĐ ngày 07/01/2026 về việc: "*Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật*" theo quyết định mở phiên họp số 37/2025/QĐST-DS ngày 10/01/2026, giữa:

*Người yêu cầu:* Anh Y N, sinh năm 1994. Địa chỉ: Bon Đ, xã Q, tỉnh Lâm Đồng - vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị H'ENL MLO, sinh năm 1991. Địa chỉ: Bon Đ, xã Q, tỉnh Lâm Đồng - vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Lâm Đồng. Địa chỉ: Thôn A, xã Q, tỉnh Lâm Đồng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Vĩnh P; Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Q vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:**

Theo đơn yêu cầu ngày 13/01/2013, anh Y N, sinh ngày 07/7/1994 và chị H'ENL MLO, sinh ngày 26/12/1991 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông (nay là Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Lâm Đồng) theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 11/2013, quyển số 01. Tại thời điểm đăng ký kết hôn anh Y NÊ đã khai sai thông tin họ và tên chồng là Y NÊ BĐáp, sinh năm 1990 mục đích để đủ tuổi đăng ký kết hôn, tuy nhiên tên chính xác là Y

NÊ, sinh ngày 07/07/1994, theo căn cước công dân số 067094000842 Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 30/9/2024 thì đăng ký kết hôn ngày 13/01/2013, tại thời điểm đăng ký kết hôn anh Y NÊ mới 18 tuổi 06 tháng 11 ngày tuổi. Vì vậy, anh Y NÊ yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật để đăng ký kết hôn lại.

Quá trình giải quyết anh Y NÊ và chị H'ENL MLO thay đổi yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật sang yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân kể từ ngày anh Y N đủ tuổi kết hôn.

Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Lâm Đồng không có ý kiến gì về yêu cầu của anh Y NÊ và chị H'ENL MLO và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Thư ký viên Tòa án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người yêu cầu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung yêu cầu: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của anh Y NÊ. Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Y NÊ sinh ngày 07/07/1994 và chị H'ENL MLO sinh ngày 26/12/1991 theo giấy chứng nhận kết hôn số: 11/2013, quyển số 01 ngày 13/01/2013, của Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông (cũ), (nay là Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Lâm Đồng) kể từ ngày 07/07/2014.

Ngày 19/01/2026, Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng ban hành công văn số: 02/2026/CV-TA, yêu cầu Công an xã Q, tỉnh Lâm Đồng trả lời thông tin về công dân Y NÊ BĐÁP, sinh năm 1990 và công dân Y NÊ sinh ngày 07/07/1994 trong giấy đăng ký kết hôn số: 11/2013, quyển số 01, ngày 13/01/2013 với giấy trích lục khai sinh, căn cước công dân có phải là một người hay không. Tại công văn số: 143/CAX ngày 02/02/2026, của Công an xã Q, tỉnh Lâm Đồng xác định: Công dân Y NÊ BĐÁP, sinh năm 1990 số CMND 245247390 và công dân Y NÊ sinh ngày 07/07/1994, số căn cước: 067094000482 là cùng một người.

Về giải quyết yêu cầu của đương sự: Giấy chứng nhận kết hôn số 11/2013, quyển số 01 ngày 13/01/2013, của Ủy ban nhân dân xã Q thể hiện anh Y NÊ ĐÁP, sinh năm 1990. Tuy nhiên theo giấy trích lục khai sinh số: 222/TLKS-BS ngày 06/9/2019, của Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông thể hiện anh Y NÊ sinh ngày 07/07/1994; anh Y NÊ và chị H'ENL MLO cũng thừa nhận tại thời điểm đăng ký kết hôn anh Y NÊ chưa đủ tuổi kết hôn (18 tuổi 06 tháng 11 ngày). Vì vậy, có đủ căn cứ để xác định việc kết hôn giữa

anh Y NÊ BÐÁP và chị H'ENL MLO theo giấy chứng nhận kết hôn số 11/2013, quyền số 01 ngày 13/01/2013, của Ủy ban nhân dân xã Q là không đúng quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn được quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

Quá trình giải quyết, anh Y NÊ và chị H'ENL MLO thay đổi từ yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật sang yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Y N và chị H'ENL MLO kể từ ngày anh Y NÊ đủ tuổi kết hôn là phù hợp với quy định tại mục 1 Nghị quyết số: 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000, của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và điểm a khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016, của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Vì vậy, cần công nhận quan hệ hôn nhân giữa Y NÊ và chị H'ENL MLO kể từ ngày 07/07/2014.

Đề nghị Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Lâm Đồng cải chính hộ tịch trong lĩnh vực hôn nhân trong giấy chứng nhận kết hôn số: 11/2013, quyền số 01 ngày 13/01/2013 theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân và Gia đình được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng nhận định:

[1]. Anh Y NÊ yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật của Ủy ban nhân dân xã Q; quá trình giải quyết anh Y NÊ và chị H'ENL MLO thay đổi yêu cầu sang công nhận quan hệ hôn nhân; yêu cầu thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng theo quy định tại khoản 1 và khoản 11 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Tại phiên họp, anh Y NÊ và chị H'ENL MLO và đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã Q vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt theo quy định tại Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[3]. Xét yêu cầu của anh Y NÊ:

3.1. Giấy chứng nhận kết hôn số: 11/2013, quyền số 01 ngày 13/01/2013, của Ủy ban nhân dân xã Q chứng nhận việc kết hôn giữa anh Y NÊ BÐÁP, sinh năm 1990 và chị H'ENL MLO sinh này 26/12/1991; tuy nhiên các thông tin trong giấy trích lục khai sinh và căn cước công dân thể hiện anh Y NÊ sinh ngày 07/07/1994. Tại Điều 6 của Nghị định số: 158/2005/NĐ-CP ngày

27/12/2005, của Chính phủ quy định: "*Giấy khai sinh là giấy tờ hộ tịch gốc của mỗi cá nhân. Mọi hồ sơ, giấy tờ của cá nhân có nội dung ghi về họ, tên, chữ đệm; ngày, tháng, năm sinh; giới tính; dân tộc; quốc tịch; quê quán; quan hệ cha, mẹ, con phải phù hợp với giấy khai sinh của người đó.*"; anh Y NÊ và chị H'ENL MLO cũng thừa nhận tại thời điểm đăng ký kết hôn anh Y NÊ khai không đúng tên và năm sinh vì lý do anh Y NÊ chưa đủ tuổi kết hôn. Vì vậy, có đủ căn cứ xác định giấy chứng nhận kết hôn số: 11/2013, quyển số 01 ngày 13/01/2013, của Ủy ban nhân dân xã Q là không đúng quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn được quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 "*Nam từ hai mươi tuổi trở lên, nữ từ mười tám tuổi trở lên*".

3.2. Tại công văn số: 143/CAX ngày 02/02/2026, của Công an xã Q, tỉnh Lâm Đồng xác định công dân Y NÊ BÐÁP, sinh năm 1990 số CMND 245247390 và công dân Y NÊ sinh ngày 07/07/1994, số căn cước: 067094000482 là cùng một người.

3.3. Quá trình giải quyết, anh Y NÊ và chị H'ENL MLO yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân từ thời điểm anh Y NÊ đủ tuổi kết hôn là phù hợp với quy định tại mục 1 Nghị quyết số: 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000, của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: "*Nếu đến thời điểm có yêu cầu huỷ việc kết hôn trái pháp luật cả hai bên đã đến tuổi kết hôn, trong thời gian đã qua họ chung sống bình thường, đã có con, có tài sản chung thì không quyết định huỷ việc kết hôn trái pháp luật.*" và tại điểm a khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016, của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình: "*Nếu hai bên kết hôn cùng yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân thì Tòa án quyết định công nhận quan hệ hôn nhân đó kể từ thời điểm các bên kết hôn có đủ điều kiện kết hôn*". Theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, anh Y NÊ đủ tuổi đăng ký kết hôn kể từ ngày 07/07/2014. Vì vậy, yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Y N và chị H'ENL MLO là có căn cứ và cần công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Y N và chị H'ENL MLO kể từ ngày 07/07/2014.

[4]. Từ những phân tích và nhận định trên đây, Tòa án cần chấp nhận yêu cầu của anh Y NÊ. Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Y NÊ sinh ngày 07/07/1994 và chị H'ENL MLO sinh ngày 26/12/1991 theo giấy chứng nhận kết hôn số: 11/2013, quyển số 01 ngày 13/01/2013, của Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông (cũ), (nay là Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Lâm Đồng) kể từ ngày 07/07/2014.

[5]. Đề nghị Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Lâm Đồng cải chính hộ tịch trong lĩnh vực hôn nhân trong giấy chứng nhận kết hôn số: 11/2013, quyền số 01 ngày 13/01/2013 theo quy định của pháp luật.

[6]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[7]. **Về lệ phí:** Anh Y N phải nộp số tiền là 300.000 đồng lệ phí yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và Gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8]. **Về quyền kháng cáo:** Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định theo quy định của pháp luật.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, khoản 1 Điều 149, Điều 367, Điều 370, Điều 371 và Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 15, Điều 16 và Điều 17 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Nghị quyết số: 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000, của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016, của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Y NÊ.

2. Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Y NÊ sinh ngày 07/07/1994 và chị H'ENL MLO sinh 26/12/1991 theo giấy chứng nhận kết hôn số: 11/2013, quyền số 01 ngày 13/01/2013, của Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông (cũ), (nay là Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Lâm Đồng) kể từ ngày 07/07/2014.

3. Đề nghị Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Lâm Đồng cải chính hộ tịch trong lĩnh vực hôn nhân trong giấy chứng nhận kết hôn số: 11/2013, quyền số 01 ngày 13/01/2013 theo quy định của pháp luật.

4. **Về lệ phí:** Anh Y N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí việc Hôn nhân và Gia đình, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng)

tạm ứng lệ phí mà anh Y NÊ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0011165 ngày 23/12/2025, của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

**5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:**

5.1. Người yêu cầu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc niêm yết quyết định theo quy định của pháp luật.

5.2. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ban hành quyết định.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 7 - Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 7 - Lâm Đồng;
- UBND xã Quảng Tân;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

*(đã ký)*

**Nguyễn Đình Quy**